

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-4-2026.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Xuân Hương.
2. Bà Võ Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1282/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Bé H, sinh ngày 10/9/1992.

Căn cước công dân số: 079192000013.

Địa chỉ: Số F, đường N, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/3/1992.

Căn cước công dân số: 079092010995.

Địa chỉ: Số D, đường L, ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 21 tháng 10 năm 2025, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé H trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 87, quyển số 01/2015 ngày 08/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, thiếu sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ đó, vợ chồng

mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và bà với ông T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T. Bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà với ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Huỳnh H1, sinh ngày: 17/8/2016 và Nguyễn Mỹ P, sinh ngày 24/4/2019. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con do bà có công việc và thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 21 tháng 10 năm 2025, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại ấp B, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà H:

Bà H và ông T có tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2015, cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là xã C), Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 87, Quyền số: 01/2015 cấp ngày 08/4/2015, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà H trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, thiếu sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ đó, vợ chồng bà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà với ông T đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông T vắng mặt. Qua đó đã thể hiện ông T không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, bà H xác định bà đã sống ly thân đã 09 năm. Xét thấy, bà H và ông T không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu

thuần kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh H1, sinh ngày 17/8/2016 và Nguyễn Mỹ P, sinh ngày 24/4/2019. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng.

Do ông T vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông đối với vấn đề con chung. Bà H có công việc ổn định, có khả năng về kinh tế để chăm lo cho con. Bên cạnh đó, qua tham khảo ý kiến của cháu H1, cháu có nguyện vọng sinh sống với bà H và hiện các con chung cũng đang sinh sống cùng với bà H. Nhằm tạo điều kiện để các con chung phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh H1, sinh ngày 17/8/2016 và Nguyễn Mỹ P, sinh ngày 24/4/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[4]. Về tài sản chung, về nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp. Do ông T vắng mặt, nếu ông T có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Bé H và ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao bà H trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh H1, sinh ngày 17/8/2016 và Nguyễn Mỹ P, sinh ngày 24/4/2019. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Do ông T vắng mặt, nếu ông T có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0034289 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND KV8-TPHCM;
- UBND xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi (nay là xã Củ Chi), Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**



Trần Thị Túy Phượng